

UP
TR

UBND PHƯỜNG ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG TIỂU HỌC BẾ VĂN ĐÀN

Số: *117b*/QĐ – THBVĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Điện Biên Phủ, ngày 7 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

(V/v công khai danh sách học sinh được hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số: 117b/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2025 của UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc phê duyệt chính danh sách học sinh được hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai danh sách học sinh được hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026;

Điều 2. Thời gian niêm yết công khai là 15 ngày; từ ngày 7 tháng 10 năm 2025 đến hết ngày 21 tháng 10 năm 2025 (kể cả thứ bảy, chủ nhật).

Trong thời gian niêm yết 15 ngày nếu không có thay đổi gì trường Tiểu học Bế Văn Đàn sẽ tiến hành tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 3. Hiệu trưởng, kế toán, các bộ phận chuyên môn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lưu: VT, KT



Đinh Thị Thanh Nhân

BIÊN BẢN

Niêm yết công khai danh sách học sinh được hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào Quyết định số 117b/QĐ-UBND, ngày 6 tháng 10 năm 2025 của UBND Phường Điện Biên phủ V/v phê duyệt chính danh sách học sinh được hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026;

Hôm nay, vào hồi 14 giờ 00 ngày 7 tháng 10 năm 2025 tại Văn phòng trường tiểu học Bế Văn Đàn tiến hành họp công khai danh sách học sinh được hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026.

Thành phần gồm có:

- | | |
|----------------------------|-----------------------------|
| 1. Bà: Đinh Thị Thanh Nhân | Hiệu trưởng |
| 2. Ông: Nguyễn Văn Dũng | Phó Hiệu trưởng |
| 3. Bà: Nguyễn Hải Yến | Kế toán |
| 4. Bà: Đỗ Thị Oanh | Tổ trưởng chuyên môn khối 1 |
| 5. Bà: Lại Thị Lan | Tổ trưởng chuyên môn khối 2 |
| 6. Bà: Nguyễn Thị Thảo | Tổ trưởng chuyên môn khối 3 |
| 7. Bà: Vương Thị Hoài | Tổ trưởng chuyên môn khối 4 |

9. Bà: Trần Thị Thanh Hà

Thư ký

Đã tiến hành niêm yết công khai số liệu V/v phê duyệt chính danh sách học sinh được hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026.

Thời gian niêm yết: Thời gian niêm yết công khai là 15 ngày; từ ngày 7 tháng 10 năm 2025 đến hết ngày 21 tháng 10 năm 2025 (kể cả thứ bảy, chủ nhật).

Địa điểm dán niêm yết: Bảng thông báo trường tiểu học Bé Văn Đàn và trên cổng thông tin điện tử của nhà trường.

Biên bản kết thúc vào hồi 15 giờ 30 ngày 7 tháng 10 năm 2025, đã được thông qua các thành phần cùng nghe và nhất trí.

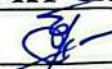
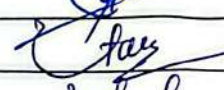
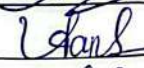
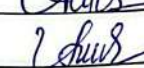
THƯ KÝ



Trần Thị Thanh Hà



Đinh Thị Thanh Nhân

HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ CÁC THÀNH VIÊN
Ông: Nguyễn Văn Dũng	
Bà: Nguyễn Hải Yến	
Bà: Đỗ Thị Oanh	
Bà: Lại Thị Lan	
Bà: Nguyễn Thị Thảo	
Bà: Vương Thị Hoài	
Bà: Trần Lệ Quyên	

Điện Biên Phủ, ngày 21 tháng 10 năm 2025

BIÊN BẢN

Kết thúc niêm yết công khai chính danh sách học sinh được hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào Quyết định số 117b/QĐ-THBVĐ, ngày 7 tháng 10 năm 2025 của trường tiểu học Bế Văn Đàn V/v phê duyệt chính danh sách học sinh được hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026;

Căn cứ vào quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025 của đơn vị;

Sau thời gian niêm yết công khai V/v phê duyệt chính danh sách học sinh được hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026

Hôm nay, vào hồi 14 giờ 00 ngày 21 tháng 10 năm 2025 tại Văn phòng trường tiểu học Bế Văn Đàn tiến hành họp kết thúc niêm yết công khai V/v phê duyệt chính danh sách học sinh được hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026

;

Thành phần gồm có:

- | | |
|----------------------------|-----------------------------|
| 1. Bà: Đinh Thị Thanh Nhân | Hiệu trưởng |
| 2. Ông: Nguyễn Văn Dũng | Phó Hiệu trưởng |
| 3. Bà: Nguyễn Hải Yến | Kế toán |
| 4. Bà: Đỗ Thị Oanh | Tổ trưởng chuyên môn khối 1 |

3. Bà: Nguyễn Hải Yến
4. Bà: Đỗ Thị Oanh
5. Bà: Lại Thị Lan
6. Bà: Nguyễn Thị Thảo
7. Bà: Vương Thị Hoài
8. Bà: Trần Lệ Quyên
9. Bà: Trần Thị Thanh Hà

- Kế toán
Tổ trưởng chuyên môn khối 1
Tổ trưởng chuyên môn khối 2
Tổ trưởng chuyên môn khối 3
Tổ trưởng chuyên môn khối 4
Tổ trưởng chuyên môn khối 5
Thư ký

Đã tiến hành họp kết thúc niêm yết công khai V/v phê duyệt chính danh sách học sinh được hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026

Thời gian niêm yết: Thời gian niêm yết công khai là 15 ngày; từ ngày 7 tháng 10 năm 2025 đến hết ngày 21 tháng 10 năm 2025 (kể cả thứ bảy, chủ nhật).

Địa điểm dán niêm yết: Bảng thông báo trường trường tiểu học Bé Văn Đàn và trên cổng thông tin điện tử của nhà trường.

Biên bản kết thúc vào hồi 15 giờ 30 ngày 21 tháng 10 năm 2025, đã được thông qua các thành phần cùng nghe và nhất trí.

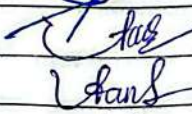
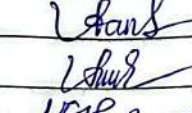
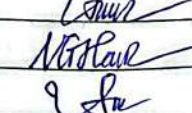
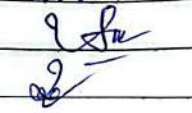
THƯ KÝ



Trần Thị Thanh Hà



Đinh Thị Thanh Nhân

HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ CÁC THÀNH VIÊN
Ông: Nguyễn Văn Dũng	
Bà: Nguyễn Hải Yến	
Bà: Đỗ Thị Oanh	
Bà: Lại Thị Lan	
Bà: Nguyễn Thị Thảo	
Bà: Vương Thị Hoài	
Bà: Trần Lệ Quyên	

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025 – 2026.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC BẾ VĂN ĐÀN

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường Tiểu học quy định quyền hạn của hiệu trưởng;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ; Quy định chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Công văn số 2776/SGDDĐT-KHTC, ngày 15/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc hướng dẫn quy trình, thủ tục xét, thẩm định, phê duyệt đối tượng và thực hiện chính sách đối với học sinh, sinh viên năm học 2025 - 2026;

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 26/09/2025 của trường Tiểu học Bế Văn Đàn về việc họp xét học sinh thuộc diện hưởng chế độ chính sách kỳ 1 năm học 2025 – 2026;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách học sinh được hưởng các chế độ chính sách theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

(Có danh sách chi tiết kèm theo).

Tổng số học sinh và kinh phí cụ thể như sau:

Chế độ hỗ trợ chi phí học tập học kỳ 1 năm học 2025 – 2026 gồm 37 học sinh.

Trong đó:

- Học sinh mồ côi thuộc (Cơ sở BTXH tổng hợp): 28 học sinh
- Học sinh khuyết tật: 08 học sinh

- Học sinh thuộc diện hồ nghèo: 01 học sinh.

Tổng kinh phí là: **22.200.000 đồng** (Hai mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng chẵn).

Điều 2. Giao bộ phận kế toán Trường Tiểu học Bé Văn Đàn phối hợp với giáo viên chủ nhiệm 26 lớp tổ chức chi trả chế độ cho học sinh theo quy định hiện hành của Nhà nước khi được UBND phường Điện Biên Phủ cấp đủ kinh phí.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông (bà) kế toán, giáo viên chủ nhiệm 26 lớp, cá nhân trong danh sách có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng KT, HT&ĐT.
- UBND phường ĐBP
- Lưu: VT,KT



Đinh Thị Thanh Nhàn

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

(Theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP, ngày 13/09/2025 của Chính phủ V/v: Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo)

Tháng 09, 10, 11, 12/2025. Năm học 2025 - 2026

STT	Họ và tên	Lớp	Đối tượng			Số tháng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Thành tiền	Số tài khoản	Tên chủ TK	Ngân hàng hưởng	Mối quan hệ với học sinh
			Đối tượng mồ côi cả cha lẫn mẹ	Học sinh khuyết tật	Đối tượng có cha, mẹ thuộc diện hộ nghèo							
1	Sùng A Hạnh	4A2	1	1		4	150.000	600.000	3713.0.1031747.000000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	Cơ sở chăm sóc nuôi dưỡng HS
2	Vàng A Hò	4A2	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.000000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	-
3	Vàng Thị Chi	2A5	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.000000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	-
4	Thào Nô Dơ	4A4	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.000000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	-
5	Giàng Kiếm Lâm	4A4	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.000000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	-
6	Vàng Thị Hua	1A5	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.000000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	-
7	Giàng Xuân Trường	1A2	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.000000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	-
8	Giàng A Chùa	3A3	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.000000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	-
9	Thào A Thanh	4a5	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.000000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	-
10	An Ngọc Phong	4a5	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.000000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	-
11	Hạ A Va	3A4	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.000000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	-
12	Vừ Thị Phương	5A6	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.000000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	-
13	Vàng A Sơn	5A5	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.000000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	-
14	Hạng A Sờ	3A5	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.000000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	-
15	Vàng Thị Bầu	5A3	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.000000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	-
16	Sùng A Thanh	5A2	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.000000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	-
17	Giàng A Định	5A2	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.000000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	-
18	Giàng Thị Chúc	5A4	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.000000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	-
19	Vàng Thảng Long	4A3	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.000000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	-
20	Giàng A Sáng	4A3	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.000000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	-
21	Vàng A La	3A2	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.000000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	-
22	Giàng Thị Đớ	3A2	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.000000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	-
23	Thào A Sơn	1A1	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.000000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	-
24	Vàng Thị Nủ	1A3	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.000000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	-

CHÍNH

UBND PHƯỜNG ĐIỆN BIÊN PHỦ
RƯỜNG TIỂU HỌC BÉ VĂN D
Số: 120/QĐ - UBND

N/V Công bố công
năm 2025 (sau)

Cần cử N
phủ quy định c
Cần c
chính sửa đ
năm 2017
chức đượ

phườ
(sau
Đà

25	Lô Văn Điệp	2A2	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.00000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Cho học nhà nước khu vực X	-
26	Thảo A Hồ	2A4	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.00000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Cho học nhà nước khu vực X	-
27	Vàng Thị Cá	3A1	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.00000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Cho học nhà nước khu vực X	-
28	Phá Thị Tầu	4A1	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.00000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Cho học nhà nước khu vực X	-
29	Chu Thanh Tùng	1A1				4	150.000	600.000	108.879.189.887	Nguyễn Phú Quý	Vietcombank	me đẻ
30	Phạm Đăng Khôi	1A2		1		4	150.000	600.000	3.600.326.889	Vũ Ngọc Hà	BIDV	me đẻ
31	Phạm Phúc Thiện	2A1		1		4	150.000	600.000	3600636968	Nguyễn Thị Thuý Dương	BIDV	me đẻ
32	Nông Đức Hoàng	4A5		1		4	150.000	600.000	103.874.777.562	Lê Thị Nhật Lệ	Vietcombank	me đẻ
33	Bùi Khắc Kiên	5A6		1		4	150.000	600.000	101.871.903.941	Bùi Khắc Dũng	Vietcombank	me đẻ
34	Đào Hương Giang	2A4		1		4	150.000	600.000	8900215019240	Nguyễn Thị Lan Anh	Agribank	Bà đẻ
35	Vũ Đức Hiếu	1A4		1		4	150.000	600.000	103.879.063.810	Nguyễn Thị Hạnh	Vietcombank	Me đẻ
36	Nguyễn Duy Tấn	2A3		1		4	150.000	600.000	36.010.000.829.184	Trần Thị Loan	BIDV	Bà đẻ
37	Nguyễn Quang Hải	2A3			1	4	150.000	600.000	3.600.415.431	Hà Thị Hào	BIDV	me đẻ
	Cộng		28	8	1			22.200.000				

Tiền bằng chữ:

Hai mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng chẵn./.

Người lập


Nguyễn Hải Yến

Điện Biên Phủ, ngày 06 tháng 10 năm 2025
TRƯỜNG
TIỂU HỌC
BÉ VĂN D
CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

(Theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP, ngày 13/09/2025 của Chính phủ V/v: Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong tỉnh vực

giáo dục, đào tạo)

Tháng 09, 10, 11, 12/2025. Năm học 2025 - 2026

STT	Họ và tên	Lớp	Đối tượng		Đối tượng có cha, mẹ thuộc diện hộ nghèo	Số tháng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Thành tiền	Số tài khoản	Tên chủ TK	Ngân hàng hưởng	Mối quan hệ với học sinh
			Đối tượng mồ côi cả cha lẫn mẹ	Học sinh khuyết tật								
1	Sung A Hân	4A2	1	1		4	150.000	600.000	3713.0.1031747.00000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	Cơ sở chăm sóc nuôi dưỡng HS
2	Vang A Hô	4A2	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.00000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	"
3	Vang Thị Chai	2A5	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.00000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	"
4	Thào No Do	4A4	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.00000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	"
5	Guang Kham Lăm	4A4	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.00000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	"
6	Vang Thị Hua	1A5	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.00000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	"
7	Guang Xuân Trường	1A2	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.00000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	"
8	Guang A Chua	3A3	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.00000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	"
9	Thào A Thanh	4A5	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.00000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	"
10	An Ngọc Phương	4A5	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.00000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	"
11	Hà A Va	3A4	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.00000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	"
12	Vư Thị Phương	5A6	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.00000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	"
13	Vang A Son	5A5	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.00000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	"
14	Hàng A Sô	3A5	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.00000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	"
15	Vang Thị Báu	5A3	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.00000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	"
16	Sung A Thanh	5A2	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.00000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	"
17	Guang A Dính	5A2	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.00000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	"
18	Guang Thị Chúc	5A4	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.00000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	"
19	Vang Thanh Long	4A3	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.00000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	"
20	Guang A Sang	4A3	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.00000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	"
21	Vang A La	3A2	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.00000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	"
22	Guang Thị Dô	3A2	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.00000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	"
23	Thào A Son	1A1	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.00000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	"
24	Vang Thị Nu	1A3	1			4	150.000	600.000	3713.0.1031747.00000	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Điện Biên	Kho bạc nhà nước khu vực X	"

